TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS - ST.
Ngày: 25 - 10 - 2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST - DS, ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST - DS, ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H; Địa chỉ: phố Đ, phường L, quận M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn A – Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng H huyện Long Phú; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.2. Ông Phan Hải Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.3. Ông Phan Công V, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.4. Ông Phan Hải B, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/7/2019 của nguyên đơn Ngân hàng H (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A trình bày: Khi Ngân hàng H có trương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thì ông Phan Thanh T có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng H – Phòng giao dịch Ngân hàng H huyện P (viết tắt là Ngân hàng), mục đích vay để chi phí học tập cho các con của ông T là Phan Hải Đ, Phan Công V, Phan Hải B và Phan Thị Kim N; từng khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 11/4/2009 ông T ký kết phụ lục giấy đề nghị vay vốn vay số tiền là 27.000.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Công V, ngày 24/4/2009 Ngân hàng phê duyệt cho ông T vay số tiền là 28.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 96 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/10/2017. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T tổng số tiền là 28.000.000 đồng, cụ thể: ngày 26/4/2009 giải ngân số tiền 4.000.000 đồng, ngày 30/10/2009 giải ngân số tiền 4.300.000 đồng, ngày 28/11/2010 giải ngân số tiền 4.300.000 đồng, ngày 26/12/2010 giải ngân số tiền 9.600.000 đồng, ngày 21/10/2011 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, ngày 09/4/2012 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền giải ngân cho ông T là 31.600.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 4.013.382 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại, số tiền gốc đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng ông T không thanh toán cho Ngân hàng, ngày 20/8/2018 Ngân hàng đã chuyển số nợ của ông T sang nợ quá hạn, tính đến ngày 25/10/2019 ông T còn nợ Ngân hàng hợp đồng này với số tiền gốc là 31.600.000 đồng và tiền lãi là 14.793.988 đồng, tổng cộng là 46.393.988 đồng.

- Ngày 15/10/2009 ông T ký kết phụ lục giấy đề nghị vay vốn vay số tiền là 27.000.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Thị Kim N, ngày 23/10/2009 Ngân hàng phê duyệt cho ông T vay số tiền là 17.200.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/10/2014. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T tổng số tiền là 17.200.000 đồng, cụ thể: ngày 16/6/2010 giải ngân số tiền 4.300.000 đồng, ngày 26/12/2010 giải ngân số tiền 4.500.000 đồng, ngày 21/3/2011 giải ngân số tiền 4.500.000 đồng, tổng số tiền giải ngân cho ông T là 17.200.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 3.679.801 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại, số tiền gốc đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng ông T không thanh toán cho Ngân hàng, ngày 20/9/2017 Ngân hàng đã chuyển số nợ của ông T sang nợ quá hạn, tính đến ngày 25/10/2019 ông T còn nợ Ngân hàng hợp đồng này với số tiền gốc là 17.200.000 đồng và tiền lãi là 7.343.049 đồng, tổng cộng là 24.943.049 đồng.

- Ngày 21/3/2011 ông T ký kết phụ lục giấy đề nghị vay vốn vay số tiền là 27.000.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Hải Đ, ngày 22/3/2011 Ngân hàng phê duyệt cho ông T vay số tiền là 24.500.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2017. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T tổng số tiền là 24.500.000 đồng, cụ thể: ngày 24/3/2011 giải ngân số tiền 4.500.000 đồng, ngày 20/10/2011 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, ngày 26/3/2012 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, ngày 26/11/2012 giải ngân số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền giải ngân cho ông T là 24.500.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 1.500.500 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại, số tiền gốc đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng ông T không thanh toán cho Ngân hàng, ngày 20/9/2017 Ngân hàng đã chuyển số nợ của ông T sang nợ quá hạn, tính đến ngày 25/10/2019 ông T còn nợ Ngân hàng hợp đồng này với số tiền gốc là 24.500.000 đồng và tiền lãi là 13.579.458 đồng, tổng cộng là 38.079.458 đồng.

- Ngày 15/12/2011 ông T ký kết phụ lục giấy đề nghị vay vốn vay số tiền là 30.000.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Hải B, ngày 19/12/2011 Ngân hàng phê duyệt cho ông T vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 84 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/12/2018. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T tổng số tiền là 15.000.000 đồng, cụ thể: ngày 20/12/2011 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, ngày 20/3/2012 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, ngày 24/4/2013 giải ngân số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền giải ngân cho ông T là 15.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 955.000 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại, số tiền gốc đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng ông T không thanh toán cho Ngân hàng, ngày 20/3/2017 Ngân hàng đã chuyển số nợ của ông T sang nợ quá hạn, tính đến ngày 25/10/2019 ông T còn nợ Ngân hàng hợp đồng này với số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 8.601.694 đồng, tổng cộng là 23.601.694 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phan Thanh T hoàn trả số tiền gốc là 88.700.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/10/2019 là 43.318.189 đồng, tổng cộng là 133.018.189 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông T hoàn trả xong nợ gốc.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thanh T trình bày: Ông Phan Thanh T thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về toàn bộ nội dung hợp đông vay tài sản giữa Ngân hàng với ông T nên ông T không trình bày gì thêm. Ông Phan Thanh T thừa nhận tính đến ngày 25/10/2019 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 88.700.000 đồng và tiền lãi là 43.318.189 đồng, tổng cộng là 133.018.189 đồng.

Tại phiên tòa, ông Phan Thanh T thống nhất hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 88.700.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/10/2019 là 43.318.189 đồng, tổng cộng là 133.018.189 đồng và thống nhất hoàn trả tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi ông T trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, ông T bị bệnh và các con không có việc làm nên không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 88.700.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/10/2019 là 43.318.189 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi ông T hoàn trả xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hải Đ, ông Phan Công V, ông Phan Hải B và bà Phan Thị Kim N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Thanh T hoàn trả số tiền vay gốc là 88.700.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/10/2019 là 43.318.189 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 26/10/2019 đến khi ông T trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Thanh T thừa nhận khi Ngân hàng H có trương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thì ông Phan Thanh T có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng H – Phòng giao dịch Ngân hàng H huyện P (viết tắt là Ngân hàng) mục đích vay để chi phí học tập cho các con của ông T là Phan Hải Đ, Phan Công V, Phan Hải B và Phan Thị Kim N, cụ thể: Ngày 11/4/2009 vay số tiền là 31.600.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Công V, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 96 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/10/2017, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 4.013.382 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại. Ngày 15/10/2009 ông T vay số tiền là 17.600.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Thị Kim N, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/10/2014, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 3.679.801 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại. Ngày 21/3/2011 ông T vay số tiền là 24.500.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Hải Đ, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2017, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 1.500.500 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại.Ngày 15/12/2011 ông T vay số tiền là 15.000.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Phan Hải B, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 84 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/12/2018, sau khi

vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 955.000 đồng thì không trả tiếp số tiền lãi còn lại. Số tiền gốc của các khoản vay nêu trên đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng ông T không thanh toán cho Ngân hàng. Hiện nay, tổng số tiền vay gốc ông T còn nợ Ngân hàng là 88.700.000 đồng và ông T thống nhất hoàn trả cho Ngân hàng số tiền này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 88.700.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông T chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi của các hợp đồng nêu trên là 10.148.183 đồng thì không thanh toán tiếp và tiền gốc đến nay không thanh toán cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 88.700.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại hợp đồng ngày 11/4/2009 ông T ký kết lãi suất là 0,5%/tháng, hợp đồng ngày 15/10/2009 ông T ký kết mức lãi suất là 0,5%/tháng, hợp đồng ngày 21/3/2011 ông T ký kết mức lãi suất là 0,5%/tháng, hợp đồng ngày 15/12/2011 ông T ký kết mức lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn của các hợp đồng là 130% nên ông T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính đến ngày 25/10/2019 là 43.318.189 đồng.

Như vậy, bị đơn ông Phan Thanh T có nghĩa chính sách xã hội dư nợ tính đến ngày 25/10/2019 số tiền vay gốc là 88.700.000 đồng, tiền lãi là 43.318.189 đồng, tổng cộng là 133.018.189 đồng; ông T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/10/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Phan Thanh T phải chịu 6.650.909 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H.

[2] Buộc bị đơn ông Phan Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền vay gốc là 88.700.000 đồng (tám mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25/10/2019 là 43.318.189 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm mười tám nghìn, một trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng là 133.018.189 đồng (một trăm ba mươi ba triệu, không trăm mười tám nghìn, một trăm tám mươi chín đồng); ông Phan Thanh T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/10/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phan Thanh T phải chịu 6.650.909 đồng (sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, chín trăm lẽ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Cẩm Nhung